

Số: 29/BC-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên công ty: NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SACOMBANK)
- Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM
- Điện thoại: 028.39320420 Fax: 028.39320424 Email: ask@sacombank.com
- Vốn điều lệ: 18.852.157.160.000 đồng
- Mã chứng khoán: STB
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc (Theo điểm a, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020)
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 1 | 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ | 26/04/2024 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023 |

II. Hội đồng quản trị:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-----|--------------------------|---|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Dương Công Minh | Chủ tịch HĐQT | 30/06/2017 | |
| 2 | Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm | Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 20/04/2018 | |
| 3 | Ông Phạm Văn Phong | Phó Chủ tịch HĐQT | 30/06/2017 | |
| 4 | Ông Nguyễn Xuân Vũ | Thành viên HĐQT | 28/08/2013 | |
| 5 | Ông Phan Đình Tuệ | Thành viên HĐQT | 22/04/2022 | |
| 6 | Ông Vương Công Đức | Thành viên HĐQT độc lập | 22/04/2022 | |
| 7 | Bà Phạm Thị Thu Hằng | Thành viên HĐQT độc lập | 22/04/2022 | |

2. Các cuộc họp HĐQT:

Trong sáu tháng đầu năm 2024, tất cả Thành viên Hội đồng quản trị đều tham gia đầy đủ các cuộc họp và phiếu lấy ý kiến bằng văn bản. Dưới sự chủ trì của Chủ tịch HĐQT, HĐQT đã tổ chức 03 phiên họp định kỳ, Chủ tịch HĐQT đã triển khai 47 lần lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các nội dung công việc trong hoạt động quản trị thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua việc ban hành các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định nhằm đưa ra những chỉ đạo giúp duy trì ổn định hệ thống, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao và tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT/Lấy ý kiến TV.HĐQT bằng văn bản | Tỷ lệ tham dự họp/lấy ý kiến bằng văn bản | Lý do không tham dự |
|-----|--------------------------|--|---|---------------------|
| 1 | Ông Dương Công Minh | 50 | 100% | |
| 2 | Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm | 50 | 100% | |

| | | | | |
|---|----------------------|----|------|--|
| 3 | Ông Phạm Văn Phong | 50 | 100% | |
| 4 | Ông Phan Đình Tuệ | 50 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Xuân Vũ | 50 | 100% | |
| 6 | Ông Vương Công Đức | 50 | 100% | |
| 7 | Bà Phạm Thị Thu Hằng | 50 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành:

Một trong những nguyên tắc trọng yếu trong mô hình quản trị của Sacombank là đảm bảo sự tách bạch giữa chức năng quản trị và giám sát của HĐQT với chức năng điều hành kinh doanh của Ban Điều hành, đảm bảo sự công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của Ngân hàng; đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Đồng thời, HĐQT đã sát cánh cùng Ban điều hành đảm bảo định hướng hoạt động chính xác và kịp thời nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động điều hành trên những lĩnh vực quan trọng của Sacombank; triển khai mọi giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu định hướng chiến lược "Tăng tốc hoạt động – nâng cao hiệu quả trên nền tảng số. HĐQT đồng hành cùng Ban điều hành sẽ thực hiện các mục tiêu trọng tâm: Gia tăng quy mô, hiệu quả, bảo đảm toàn hệ thống hoạt động an toàn – hiệu quả và bền vững; Đột phá trong kinh doanh, xây dựng và hoàn thiện các điểm giao dịch số phục vụ khách hàng khẳng định vị thế thương hiệu Sacombank; Tiếp tục công tác chuyển đổi số - gia tăng tiện ích các sản phẩm dịch vụ mang đến trải nghiệm và bảo mật cho khách hàng; Hoàn thành và chấm dứt Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập, giảm tỷ lệ nợ xấu tổng thể dưới 3%; Thực hiện các thủ tục chia cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận giữ lại nhằm tăng năng lực tài chính.

3.1. Đối với hoạt động quản lý cấp cao:

- Trong 06 tháng đầu năm 2024, HĐQT đã triển khai một cách có hiệu quả các định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển bền vững của Sacombank và giám sát quản trị rủi ro, giám sát bộ máy điều hành cũng như đảm bảo trách nhiệm đối với cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Sacombank. HĐQT thường xuyên tham gia cùng Ban điều hành các hoạt động hỗ trợ, các đơn vị hoàn thành tốt các mục tiêu kinh doanh.
- Hội đồng quản trị nỗ lực thực hiện vai trò quản trị và giám sát với trách nhiệm cao nhất để đạt được những thành quả vượt trội, đảm bảo quá trình tái cơ cấu sau sáp nhập của Sacombank đi đúng hướng, đúng lộ trình, rút ngắn thời gian hoàn tất Đề án tái cơ cấu như cam kết với cổ đông, đồng thời vẫn đảm bảo tiếp tục tăng trưởng hoạt động kinh doanh, mở rộng thị phần và gia tăng đầu tư nền tảng công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng số theo xu thế mới.
- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng định hướng của Đề án tái cơ cấu Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Các giải pháp xử lý, thu hồi nợ xấu, tài sản tồn đọng được thực hiện

quyết liệt góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng tín dụng và từng bước tối ưu hóa danh mục tài sản.

- HĐQT cũng đã chỉ đạo các hoạt động liên quan đến cổ đông, tiếp nhận và phản hồi đầy đủ, kịp thời các ý kiến, thắc mắc của cổ đông. HĐQT đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua để định hướng mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm của toàn hệ thống Sacombank, hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành trong công tác điều hành Ngân hàng và các công ty trực thuộc.

3.2. Đối với hoạt động giám sát:

- Hàng quý, HĐQT tổ chức các phiên họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát với Ban điều hành để đánh giá tình hình hoạt động hàng quý và định hướng các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai trong thời gian tới; đồng thời chỉ đạo các giải pháp nhằm hỗ trợ, giải quyết các vướng mắc khó khăn phát sinh trong quá trình điều hành kinh doanh của Ban điều hành.
- Ngoài ra, đại diện của HĐQT thường xuyên tham dự các phiên họp giao ban của Ban điều hành nhằm giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- Trong 6 tháng đầu năm 2024, HĐQT đã quyết định các nội dung công việc trong hoạt động quản trị Ngân hàng và ban hành Quy chế, Nghị quyết, Quyết định nhằm đưa ra những chỉ đạo giúp duy trì ổn định hệ thống, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao trên tinh thần tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Sacombank.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã tiến hành cơ cấu các Ủy ban giúp việc cho HĐQT đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan. Cụ thể như: Ủy ban Nhân sự (trực thuộc Ủy ban Nhân sự có Hội đồng thù lao & đãi ngộ, Hội đồng thi đua khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật cấp cao); Ủy ban Quản lý rủi ro (trực thuộc Ủy ban Quản lý rủi ro có Hội đồng xử lý rủi ro tổn thất); Ủy ban Phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền (trực thuộc Ủy ban Phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền có Hội đồng Phòng, chống rửa tiền), chủ tịch các ủy ban này đều là thành viên HĐQT
- Các Ủy ban đã phát huy vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ Sacombank, nhằm hỗ trợ kịp thời Ban điều hành trong hoạt động kinh doanh cũng như quản trị rủi ro của Ngân hàng.
- Các Ủy ban đều hoạt động dựa trên các quy định cụ thể và được phổ biến công khai trên toàn hệ thống nhằm đảm bảo tính minh bạch. Đồng thời, các Ủy ban tiếp tục xem xét, theo dõi, rà soát và hoàn thiện văn bản lập quy trong lĩnh vực phụ trách để đảm bảo sự tách bạch giữa chức năng quản trị và giám sát của HĐQT với chức năng điều hành kinh doanh của Ban điều hành, tuân thủ quy định của pháp luật.

4.1. Ủy ban nhân sự:

Ủy ban Nhân sự có 2 hội đồng trực thuộc: Hội đồng thù lao và đãi ngộ; Hội đồng thi đua khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật cấp cao. Trong sáu tháng đầu năm 2024, Ủy ban Nhân sự đã tổ chức họp 48 lần để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao gồm:

- Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu của HĐQT, Cán bộ điều hành cấp cao phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của Ngân hàng;
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ điều hành cấp cao theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Sacombank;
- Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Cán bộ điều hành cấp cao, các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng;
- Nhận xét, đánh giá tình hình và hiệu quả hoạt động của Cán bộ điều hành cấp cao để tham mưu cho HĐQT trong công tác tổ chức nhân sự;
- Đối với Hội đồng thi đua khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật cấp cao: Xét duyệt kết quả xếp loại thi đua năm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và các trường hợp khác khi cần thiết; Tổ chức họp xử lý vi phạm kỷ luật lao động. Tham mưu cho HĐQT áp dụng các hình thức kỷ luật và giám sát việc thi hành kỷ luật nhằm giữ nghiêm tinh thần tuân thủ, trật tự lao động trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- Đối với Hội đồng thù lao và đãi ngộ: tham mưu cho HĐQT quyết định hoặc để HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định theo quy định đối với các vấn đề như: Các tiêu chí, chế độ lương thưởng, thù lao đối với Cán bộ điều hành cấp cao và chính sách đãi ngộ cho CBNV của Ngân hàng và Công ty trực thuộc; Định kỳ đánh giá các chế độ, chính sách được thực hiện đúng mục đích, phù hợp với tình hình hoạt động của Ngân hàng.

4.2. Ủy ban Quản lý rủi ro:

Trong sáu tháng đầu năm 2024, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức họp 1 kỳ để thực hiện những chức năng, nhiệm vụ được giao gồm:

- Đề xuất, tham mưu cho HĐQT giám sát Ban điều hành trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện Quy chế quản lý rủi ro.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, quy chế, chính sách thuộc thẩm quyền của Ủy ban liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Sacombank.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, quy chế, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, quy chế, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và Phương án xử lý rủi ro trong phạm vi được giao.
- Đề xuất, tham mưu HĐQT giám sát Ban điều hành trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức Kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

4.3. Ủy ban Phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền:

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng và rửa tiền đồng thời khẳng định quyết tâm phòng chống tội phạm rửa tiền, Ủy ban phòng, chống tham nhũng và rửa tiền tại Sacombank đã không ngừng nỗ lực xây dựng khung pháp lý, tổ chức bộ máy quản lý hiệu quả, cụ thể sáu tháng đầu năm 2024, Hội đồng phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền đã họp 1 kỳ và cử thành viên tham dự nhiều cuộc họp định kỳ và đột xuất của các Hội đồng, Ban trực thuộc Ủy ban theo từng đơn vị cụ thể để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định gồm:

- Xác định mục tiêu chiến lược, xây dựng chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền theo Pháp luật Việt Nam và quốc tế.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền tại Sacombank.
- Tiếp nhận thông tin và tổng hợp tình hình vụ việc tiêu cực, tham nhũng, vụ việc nổi cộm, vi phạm pháp luật tại các Đơn vị, đặc biệt là tình hình tội phạm kinh tế, rủi ro kinh doanh, được phát hiện qua công tác kiểm tra chấn chỉnh, đơn khiếu nại, tố cáo; cơ quan báo chí và phương tiện thông tin đại chúng; do cơ quan pháp luật chuyển đến.
- Nghiên cứu, đề xuất, tham mưu, báo cáo cho HĐQT về phương án xử lý các vụ việc tiêu cực, tham nhũng và những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tội phạm có liên quan đến hoạt động của Sacombank.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

5.1- Các Nghị quyết đã ban hành:

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-----------------|------------|---|-----------------|
| 1 | 01/2024/NQ-HĐQT | 16/01/2024 | Phương án xử lý các khoản nợ đối với CTCP Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn | 100% |
| 2 | 02/2024/NQ-HĐQT | 17/01/2024 | Chi lương, danh hiệu cá nhân và tập thể năm 2023 | 100% |

| | | | | |
|----|------------------|------------|--|------|
| 3 | 03/2024/NQ-HĐQT | 17/01/2024 | Thuận chủ trương thay đổi điểm đến và CN quản lý PGD Bà Triệu | 100% |
| 4 | 04/2024/NQ-HĐQT | 18/01/2024 | Di dời trụ sở làm việc của Công ty Sacombank - SBR | 100% |
| 5 | 05/2024/NQ-HĐQT | 23/01/2024 | Thay đổi tên gọi PGD Tỉnh Gia trực thuộc CN Thanh Hóa | 100% |
| 6 | 06/2024/NQ-HĐQT | 26/01/2024 | Thay đổi địa điểm PGD Đông Hòa trực thuộc CN Đồng Nai | 100% |
| 7 | 07/2024/NQ-HĐQT | 02/02/2024 | Di dời trụ sở CN Hà Nội trực thuộc Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín | 100% |
| 8 | 09/2024/NQ-HĐQT | 02/02/2024 | Duyệt thuận chi phí dự án Retail LOS | 100% |
| 9 | 12A/2024/NQ-HĐQT | 19/02/2024 | Thuận chủ trương bàn giao tài sản từng phần theo tiến độ thanh toán dự án Khu công nghiệp Phong Phú | 100% |
| 10 | 13/2024/NQ-HĐQT | 22/02/2024 | Công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2023 | 100% |
| 11 | 14/2024/NQ-HĐQT | 07/03/2024 | Giảm giá bán đấu giá các sản phẩm chưa bán thuộc dự án Xi Grand Court | 100% |
| 12 | 15/2024/NQ-HĐQT | 12/03/2024 | Thay đổi tên gọi, địa điểm và CN quản lý PGD Trần Văn Kiếu | 100% |
| 13 | 16/2024/NQ-HĐQT | 20/03/2024 | Đề xuất điều chỉnh giảm tỷ lệ giới hạn tỷ lệ tồn quỹ tiền mặt VNĐ | 100% |
| 14 | 17/2024/NQ-HĐQT | 25/03/2024 | Giảm vốn và ghi nhận số lượng cổ phiếu SWIFT sau đợt phân chia năm 2024 | 100% |
| 15 | 18/2024/NQ-HĐQT | 29/03/2024 | Thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng SGTT | 100% |
| 16 | 19/2024/NQ-HĐQT | 29/03/2024 | Tái bố trí mạng lưới hoạt động giai đoạn 2024-2026 | 100% |
| 17 | 20/2024/NQ-HĐQT | 29/03/2024 | Danh sách dự kiến bổ nhiệm làm TV.HĐQT Sacombank Lào nhiệm kỳ 2022-2025 | 100% |
| 18 | 21/2024/NQ-HĐQT | 05/04/2024 | Thông qua tài liệu trình ĐHCĐ TN năm tài chính 2024 | 100% |
| 19 | 22/2024/NQ-HĐQT | 05/04/2024 | Mua lại trái phiếu Sacombank phát hành Đợt 02 và Đợt 04 năm 2022 | 100% |
| 20 | 23/2024/NQ-HĐQT | 08/04/2024 | Thay đổi địa điểm và tên gọi PGD Kha Vạn Cân | 100% |
| 21 | 24/2024/NQ-HĐQT | 08/04/2024 | Thay đổi địa điểm PGD Diễn Châu trực thuộc CN Nghệ An | 100% |

| | | | | |
|----|-----------------|------------|---|------|
| 22 | 25/2024/NQ-HĐQT | 08/04/2024 | Phân công Thành viên HĐQT giải quyết sự vụ liên quan facebook Thang Dang | 100% |
| 23 | 26/2024/NQ-HĐQT | 11/04/2024 | Thuận đề xuất cấp tín dụng đối với CTCP Đầu tư Thái Tuấn | 100% |
| 24 | 28/2024/NQ-HĐQT | 25/04/2024 | Điều chỉnh tỷ lệ nợ quá hạn áp dụng đối với cho vay khách hàng cá nhân | 100% |
| 25 | 29/2024/NQ-HĐQT | 07/05/2024 | Chấm dứt hoạt động 02 PGD & Bàn thu đổi ngoại tệ, đồng thời thành lập Điểm giao dịch số tương ứng trực thuộc Khu vực Tp.HCM | 100% |
| 26 | 30/2024/NQ-HĐQT | 13/05/2024 | Thay đổi địa chỉ CN Bến Cát, PGD Hòa Lợi và PGD Phú Giáo | 100% |
| 27 | 31/2024/NQ-HĐQT | 07/06/2024 | Chấm dứt hoạt động 04 PGD & Bàn thu đổi ngoại tệ, đồng thời thành lập Điểm giao dịch số tương ứng trực thuộc Khu vực Tp.HCM | 100% |
| 28 | 32/2024/NQ-HĐQT | 11/06/2024 | Thay đổi địa điểm PGD Phú Xuyên - CN Thường Tín | 100% |
| 29 | 33/2024/NQ-HĐQT | 12/06/2024 | Thay đổi địa điểm, tên gọi và CN quản lý PGD Bà Triệu - CN Hà Nội thành PGD Ocean Park trực thuộc CN Long Biên | 100% |
| 30 | 34/2024/NQ-HĐQT | 26/06/2024 | Phân phối lợi nhuận 2023 của SBL, SBA và SBR | 100% |
| 31 | 35/2024/NQ-HĐQT | 28/06/2024 | Thay đổi địa điểm PGD Tân Triều - CN Thanh Trì | 100% |
| 32 | 36/2024/NQ-HĐQT | 28/06/2024 | Ban hành Danh sách rủi ro trọng yếu và tuyên bố khẩu vị rủi ro của Sacombank | 100% |
| 33 | 37/2024/NQ-HĐQT | 28/06/2024 | Miễn, giảm lãi đối với khoản vay của khách hàng CTCP Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ | 100% |

5.2- Các Quyết định đã ban hành:

| | | | | |
|---|-----------------|------------|--|------|
| 1 | 01/2024/QĐ-HĐQT | 05/01/2024 | Thay đổi địa điểm di dời PGD Nam Đồng | 100% |
| 2 | 02/2024/QĐ-HĐQT | 19/02/2024 | Thay đổi tên gọi PGD Tĩnh Gia - CN Thanh Hóa | 100% |
| 3 | 03/2024/QĐ-HĐQT | 23/02/2024 | Thành lập các Tiểu ban giúp việc cho Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2023 | 100% |
| 4 | 04/2024/QĐ-HĐQT | 14/03/2024 | Thay đổi tên gọi, địa điểm và CN quản lý PGD Lý Nam Đế - CN Thủ Đức | 100% |
| 5 | 05/2024/QĐ-HĐQT | 26/03/2024 | Thay đổi địa điểm PGD Đông Hòa - CN Đồng Nai | 100% |
| 6 | 06/2024/QĐ-HĐQT | 03/04/2024 | Thay đổi tên gọi, địa điểm và CN quản lý PGD Trần Văn Kiếu | 100% |

| | | | | |
|----|-----------------------|------------|--|------|
| 7 | 07/2024/QĐ-VBLQ.HĐQT | 04/04/2024 | Chấm dứt hiệu lực văn bản lập quy | 100% |
| 8 | 08/2024/QĐ-HĐQT | 22/04/2024 | Thay đổi địa điểm PGD Diễn Châu trực thuộc CN Nghệ An | 100% |
| 9 | 09/2024/QĐ-HĐQT | 02/05/2024 | Thay đổi địa điểm và tên gọi PGD Kha Vạn Cân | 100% |
| 10 | 10/2024/QĐ-VBLQ.HĐQT | 02/05/2024 | Ban hành QUY CHẾ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VỐN VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ | 100% |
| 11 | 11/2024/QĐ-HĐQT | 09/05/2024 | Thay đổi tên gọi PGD Tân Thành trực thuộc CN Bà Rịa Vũng Tàu | 100% |
| 12 | 12/2024/QĐ-HĐQT | 22/05/2024 | Chấm dứt hoạt động 02 Phòng giao dịch và Ban thu đổi ngoại tệ, đồng thời thành lập Điểm giao dịch số tương ứng trực thuộc Khu vực Tp.HCM | 100% |
| 13 | 13/2024/QĐ-HĐQT | 23/05/2024 | Thay đổi tên gọi CN Đà Nẵng và các PGD trực thuộc | 100% |
| 14 | 14/2024/QĐ-HĐQT | 31/05/2024 | Thay đổi địa chỉ PGD Chợ Mới & Bàn thu đổi ngoại tệ trực thuộc CN An Giang do địa phương đặt lại tên đường (địa điểm không thay đổi) | 100% |
| 15 | 15/2024/QĐ-HĐQT | 31/05/2024 | Thay đổi địa chỉ PGD An Phú An Giang & Bàn thu đổi ngoại tệ trực thuộc CN An Giang do địa phương đặt lại tên đường (địa điểm không thay đổi) | 100% |
| 16 | 16/2024/QĐ-VBLQ.HĐQT | 21/06/2024 | Ban hành QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN | 100% |
| 17 | 17/2024/QĐ-HĐQT | 27/06/2024 | Chấm dứt hoạt động 04 Phòng giao dịch và Ban thu đổi ngoại tệ, đồng thời thành lập Điểm giao dịch số tương ứng trực thuộc Khu vực Tp.HCM | 100% |
| 18 | 18/2024/QĐ-HĐQT | 27/06/2024 | Thay đổi địa chỉ CN Bến Cát, PGD Hòa Lợi và PGD Phú Giáo | 100% |
| 19 | 19/2024/ QĐ-VBLQ.HĐQT | 28/06/2024 | Ban hành QUY CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO | 100% |
| 20 | 20/2024/ QĐ-VBLQ.HĐQT | 28/06/2024 | Ban hành Quy chế Phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của Sacombank | 100% |
| 21 | 21/2024/QĐ-VBLQ.HĐQT | 28/06/2024 | Ban hành sửa đổi, bổ sung Quy chế cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ cho khách hàng gặp khó khăn | 100% |
| 22 | 22/2024/QĐ-VBLQ.HĐQT | 28/06/2024 | Ban hành QUY CHẾ HUY ĐỘNG VỐN | 100% |
| 23 | 22/2024/QĐ-VBLQ.HĐQT | 28/06/2024 | Ban hành QUY CHẾ CẤP TÍN DỤNG | 100% |

III. Ban kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | | Trình độ chuyên môn |
|-----|----------------------|------------|--|-----------------|--|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | |
| 1 | Ông TRẦN MINH TRIẾT | Trưởng BKS | 30/06/2017 | | -Thạc sĩ Quản trị kinh doanh -Cử nhân Quản trị kinh doanh |
| 2 | Bà HÀ QUỲNH ANH | Thành viên | 22/04/2022 | | -Cử nhân Kinh tế -Cử nhân Luật |
| 3 | Ông LÂM VĂN KIẾT | Thành viên | 22/04/2022 | | -Thạc sĩ Quản trị kinh doanh -Cử nhân Kinh tế |
| 4 | Ông NGUYỄN VĂN THÀNH | Thành viên | 22/04/2022 | | Cử nhân Quản trị kinh doanh |

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Trong năm 06 tháng đầu năm 2024, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp; trong đó, có 02 cuộc họp BKS dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tất cả thành viên BKS dự họp, cho ý kiến, thảo luận và biểu quyết thống nhất cao thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS.

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Ông TRẦN MINH TRIẾT | 04 | 100% | 100% | |
| 2 | Bà HÀ QUỲNH ANH | 04 | 100% | 100% | |
| 3 | Ông LÂM VĂN KIẾT | 04 | 100% | 100% | |
| 4 | Ông NGUYỄN VĂN THÀNH | 04 | 100% | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và cổ đông:

Qua công tác giám sát 06 tháng đầu năm 2024, BKS nhận thấy Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực hiện việc quản trị, điều hành Ngân hàng đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Sacombank, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Hội đồng quản trị thực hiện vai trò quản lý, chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời các chủ trương, chính sách của Ngân hàng Nhà nước và của Đại hội đồng cổ đông, thông qua việc ban hành các văn bản liên quan công tác quản trị để định hướng, chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành trong công tác quản

trị, điều hành Ngân hàng và các Công ty con, Ngân hàng con, cũng như phối hợp với BKS trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ngân hàng.

- Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của NHNN, bám sát Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện trong toàn hệ thống Sacombank. Tổng giám đốc thực hiện việc chỉ đạo, phân quyền/ủy quyền điều hành và giám sát hoạt động Ngân hàng theo quy định nội bộ của Sacombank nhằm đảm bảo hoạt động của Sacombank được thông suốt, an toàn, hiệu quả. Sacombank không ngừng kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ gồm 3 tuyến bảo vệ độc lập đáp ứng yêu cầu tại Thông tư 13 của NHNN.
- Ngày 26/4/2024, Sacombank đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023. Tại phiên họp này, Hội đồng quản trị, BKS và Tổng giám đốc đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong năm tài chính 2023, định hướng hoạt động năm 2024 và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Sacombank được thực hiện thông suốt, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Sacombank.
- Thông qua hoạt động giám sát, tham dự các buổi họp thông qua báo cáo kiểm toán/kiểm tra nội bộ, các buổi họp sơ kết, tổng kết với các đơn vị, qua báo cáo của Kiểm toán nội bộ; BKS nắm bắt tình hình hoạt động của các đơn vị và đã đưa ra các ý kiến với các đơn vị có liên quan về các biện pháp tăng cường kiểm soát, phòng ngừa rủi ro, góp phần nâng cao hiệu quả, an toàn hoạt động.

5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát:

- Với mục tiêu là không ngừng cải tiến hoạt động, nâng cao chất lượng kiểm tra, kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát đã chỉ đạo triển khai xây dựng giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kiểm tra, kiểm toán. Hiện tại, Ban triển khai Dự án đang thực hiện theo tiến độ của dự án.
- Ban kiểm soát thực hiện giám sát cấp cao đối với Kiểm toán nội bộ theo đúng quy định tại Thông tư số 13 của NHNN, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và quy định nội bộ của Sacombank.

Ngay đầu năm 2024, Kiểm toán nội bộ đã triển khai kiểm toán theo Kế hoạch năm 2024 đã được BKS phê duyệt. Kết quả kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

- + Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán tại 04 Chi nhánh và 21 PGD trực thuộc; 01 Ngân hàng con; 02 chuyên đề tại đơn vị nghiệp vụ Hội sở.

- + Đang thực hiện 03 cuộc kiểm toán tại 02 Chi nhánh và 12 PGD trực thuộc; 01 Chuyên đề tại đơn vị nghiệp vụ Hội sở.
- + Bên cạnh công tác kiểm toán thực địa, Kiểm toán nội bộ còn thực hiện kiểm toán từ xa định kỳ hàng tháng, thông qua việc truy xuất dữ liệu trên hệ thống MIS, rà soát các giao dịch của các Chi nhánh/Phòng giao dịch trong toàn hệ thống theo Bộ tiêu chí kiểm toán từ xa với 73 tiêu chí.
- + Qua công tác kiểm toán tại các đơn vị, Kiểm toán nội bộ đã đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hạn chế rủi ro, hoàn thiện quy trình, quy định góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Kết quả kiểm toán được gửi kịp thời tới Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị có liên quan.

IV. Ban điều hành:

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------------------|--|
| 1 | Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm | 24/12/1973 | Tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng | 25/07/2017 |
| 2 | Ông Nguyễn Minh Tâm | 13/02/1972 | Thạc sĩ Kinh tế | 06/08/2007 |
| 3 | Bà Quách Thanh Ngọc Thùy | 01/08/1971 | Cử nhân Quản trị kinh doanh | 05/02/2010 |
| 4 | Ông Đào Nguyên Vũ | 21/10/1967 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | 26/06/2007 |
| 5 | Ông Bùi Văn Dũng | 15/09/1966 | Cử nhân Toán điều khiển | Miễn nhiệm 01/04/2024 |
| 6 | Ông Nguyễn Bá Trị | 16/07/1973 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | 26/07/2012 |
| 7 | Ông Hà Văn Trung | 12/02/1974 | Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng | 10/10/2012 |
| 8 | Ông Hồ Doãn Cường | 01/01/1972 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | 01/10/2012 |
| 9 | Ông Hoàng Thanh Hải | 13/01/1968 | Cử nhân Kinh tế | 07/04/2014 |
| 10 | Ông Lê Đức Thịnh | 22/09/1971 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | 15/09/2017 |
| 11 | Bà Nguyễn Thị Kim Oanh | 17/04/1974 | Thạc sĩ Kinh tế Tài chính – Ngân hàng | 04/05/2022 |

V. Kế toán trưởng:

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|-------------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
| Huỳnh Thanh Giang | 07/12/1972 | Thạc sĩ kinh tế | 01/06/2012 |

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Hầu hết Thành viên HĐQT hiện tại đã học xong Chương trình chứng nhận Thành viên HĐQT của Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam. Ngoài ra, trong 06 tháng đầu năm 2024, đại diện HĐQT/Ban Kiểm soát và Ban điều hành đã tham gia nhiều hội thảo đào tạo theo chuyên đề liên quan đến quản trị cấp cao và Khung kiểm toán nội bộ theo thông lệ quốc tế do Ngân hàng nhà nước và các Tổ chức tư vấn quốc tế tổ chức nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn về quản lý, nắm bắt định hướng chính sách và các mô hình quản trị hiện đại.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty: Theo Phụ lục 01 đính kèm

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ: Theo Phụ lục 02 đính kèm

Trên đây là báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm 2024, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- như trên
- Lưu: Vp.HĐQT



DƯƠNG CÔNG MINH

PHỤ LỤC 01

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|--------------------------|--------------------------|--|--|-------------------------------------|---------------------------------------|---|---------------------------------|-------|-----------------------------------|
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | | | | | | | | |
| 1 | Ông Dương Công Minh | | Chủ tịch HĐQT | | | 30/06/2017 | - | - | |
| 2 | Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm | | Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng giám đốc | | | 07/04/2014 | - | - | |
| 3 | Ông Phạm Văn Phong | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | 30/06/2017 | - | - | |
| 4 | Ông Nguyễn Xuân Vũ | | Thành viên HĐQT | | | 28/08/2013 | - | - | |
| 5 | Ông Phan Đình Tuệ | | Thành viên HĐQT | | | 14/06/2012 | - | - | |
| 6 | Ông Vương Công Đức | | Thành viên HĐQT độc lập | | | 22/04/2022 | - | - | |
| 7 | Bà Phạm Thị Thu Hằng | | Thành viên HĐQT độc lập | | | 22/04/2022 | - | - | |

| BAN KIỂM SOÁT | | | | | | |
|----------------------|--------------------------|--|----------------------|--|------------|---|
| II | | | | | | |
| 1 | Ông Trần Minh Triết | | Trưởng Ban kiểm soát | | 30/06/2017 | - |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Thành | | Thành viên BKS | | 22/04/2022 | - |
| 3 | Ông Lâm Văn Kiệt | | Thành viên BKS | | 22/04/2022 | - |
| 4 | Bà Hà Quỳnh Anh | | Thành viên BKS | | 28/06/2012 | - |
| III | | | | | | |
| BAN ĐIỀU HÀNH | | | | | | |
| 1 | Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm | | Tổng Giám đốc | | 07/04/2014 | - |
| 2 | Ông Nguyễn Minh Tâm | | Phó Tổng Giám đốc | | 06/08/2007 | - |
| 3 | Bà Quách Thanh Ngọc Thùy | | Phó Tổng Giám đốc | | 05/02/2010 | - |
| 4 | Ông Đào Nguyên Vũ | | Phó Tổng Giám đốc | | 26/06/2007 | - |

| | | | | | | | | | |
|---|------------------------|--|-------------------|--|--|------------|------------|---------------|--|
| 5 | Ông Bùi Văn Dũng | | Phó Tổng Giám đốc | | | 29/03/2012 | 01/04/2024 | Miễn Nhiệm | |
| 6 | Ông Nguyễn Bá Trí | | Phó Tổng Giám đốc | | | 26/07/2012 | - | - | |
| 7 | Ông Hà Văn Trung | | Phó Tổng Giám đốc | | | 10/10/2012 | - | - | |
| 8 | Ông Hồ Doãn Cường | | Phó Tổng Giám đốc | | | 01/10/2012 | - | - | |
| 9 | Ông Hoàng Thanh Hải | | Phó Tổng Giám đốc | | | 07/04/2014 | - | - | |
| 10 | Ông Lê Đức Thịnh | | Phó Tổng Giám đốc | | | 15/09/2017 | - | - | |
| 11 | Bà Nguyễn Thị Kim Oanh | | Phó Tổng Giám đốc | | | 04/05/2022 | - | - | |
| IV KẾ TOÁN TRƯỞNG | | | | | | | | | |
| 1 | Ông Huỳnh Thanh Giang | | Kế toán trưởng | | | 01/06/2012 | - | - | |
| V NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY | | | | | | | | | |

| 1 | Ông Dương Thanh Tuấn | | Người phụ trách quản trị công ty | | | 23/03/2023 | | | |
|--------------------------------|---|--|----------------------------------|--------------|---|------------|---|---|--|
| VI CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN | | | | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Kiều Hối Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank – SBR) | | Công ty con | 90/QĐ-NHNN | Tầng 4&5, số 481A-481B Điện Biên Phủ, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM | 10/07/2006 | - | - | |
| 2 | Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank – SBL) | | Công ty con | 04/GP-NHNN | 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM | 10/07/2006 | - | - | |
| 3 | Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank – SBA) | | Công ty con | 4104000053 | 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM | 24/01/2003 | - | - | |
| 4 | Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank – SBJ) | | Công ty con | 410040003812 | 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM | 28/11/2008 | - | - | |
| 5 | Ngân hàng TNHH Sài Gòn Thương Tín Lào | | Ngân hàng con | 15/NHNN | 044 Đường Haengboun, Làng Haisok, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, CHDCND Lào | 12/12/2008 | - | - | |
| 6 | Ngân hàng Cổ phần Hữu Hạn Sài Gòn Thương Tín Campuchia | | Ngân hàng con | N.27 | 60 Preah Norodom Blvd, Sangkat Cheychemneas, | 05/10/2011 | - | - | |

| | | | | | | | | | |
|--------------------|----------------------------|--|-------------|--------|---|------------|--|--|--|
| | | | | | Khan Daun Penh, Phnom Penh | | | | |
| CỔ ĐỒNG LỚN | | | | | | | | | |
| V | | | | | | | | | |
| 1 | Pyn Elite Fund (Non-Ucits) | | Cổ đồng lớn | CA5604 | P.O.Box 139, FI-00101 Helsinki, Phần Lan | 28/03/2024 | | | |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH; số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)*

2. Giao dịch giữa Sacombank với người có liên quan của Sacombank: hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, Ghi tổng giá trị chủ giao dịch |
|-----|--------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|--|---------------------------------|---|--|
| 1 | Sài Gòn Thương Tín (Sacombank - SBR) | Công ty con | 90/QĐ-NHNN | Tầng 4&5, số 481A-481B Điện Biên Phủ, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM | 18/01/2024 | Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐQT ngày 18/01/2024 v/v di dời trụ sở làm việc của Công ty TNHH MTV Kiều Hối Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín | |
| | | | | | 26/06/2024 | Nghị quyết số 34/2024/NQ-HĐQT ngày 26/06/2024 v/v phân phối lợi nhuận 2023 của SBL, SBA và SBR | |

| | | | | | | | |
|----------|--|--------------------|-------------------|---|-------------------|--|--|
| | <p>Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank – SBA)</p> | <p>Công ty con</p> | <p>4104000053</p> | <p>278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM</p> | <p>02/02/2024</p> | <p>Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 02/02/2024 v/v di dời trụ sở Chi nhánh Hà Nội trực thuộc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín</p> <p>Nghị quyết số 34/2024/NQ-HĐQT ngày 26/06/2024 v/v phân phối lợi nhuận 2023 của SBL, SBA và SBR</p> | |
| <p>3</p> | <p>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank – SBL)</p> | <p>Công ty con</p> | <p>04/GP-NHNN</p> | <p>278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM</p> | <p>29/03/2024</p> | <p>Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐQT ngày 29/03/2024 v/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín</p> <p>Nghị quyết số 34/2024/NQ-HĐQT ngày 26/06/2024 v/v phân phối lợi nhuận 2023 của SBL, SBA và SBR</p> | |

3. Giao dịch giữa người nội bộ Sacombank, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Sacombank nắm quyền kiểm soát: Bảng giao dịch các bên liên quan

4. Giao dịch giữa Sacombank với các đối tượng khác Bảng giao dịch các bên liên quan

4.1. Giao dịch giữa Sacombank với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo: Bảng giao dịch các bên liên quan

4.2. Giao dịch giữa Sacombank với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Bảng giao dịch các bên liên quan

4.3. Các giao dịch khác của Sacombank (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có

BẢNG GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

DVT: triệu đồng

| | 30/06/2024 |
|--|-------------------------------|
| | Số liệu chưa kiểm toán |
| Công ty con | |
| Thu nhập lãi cho vay/tiền gửi | 89,800 |
| Chi phí trả lãi tiền vay/tiền gửi | (20,157) |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 9,125 |
| Chi phí hoạt động dịch vụ | (17,628) |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | - |
| Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | (4,419) |
| Thu nhập từ cổ tức | - |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 3,337 |
| Chi phí từ hoạt động khác | - |
| Các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng | |
| Thu nhập lãi cho vay | - |
| Chi phí trả lãi tiền gửi | (5,515) |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 17 |
| Chi từ hoạt động dịch vụ | - |
| Thu nhập từ hoạt động khác | - |
| Chi phí từ hoạt động khác | - |
| Thu lao Hội đồng Quản trị sau thuế | (19,530) |
| Thu lao Ban Kiểm soát sau thuế | (8,925) |
| Thu lao Ban Tổng Giám đốc sau thuế | (35,444) |
| Các bên liên quan đến các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng | |

| | |
|---|-------------|
| Thu nhập lãi tiền gửi/cho vay | 157,683 |
| Chi phí trả lãi tiền vay/tiền gửi | (6,769) |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 3,511 |
| Chi từ hoạt động dịch vụ | - |
| Chi phí khác | (1,242) |
| Thu nhập khác | - |
| Cổ đông lớn (sở hữu trên 5% vốn điều lệ) | |
| Thu nhập lãi tiền gửi/cho vay | - |
| Chi phí trả lãi tiền vay/tiền gửi | - |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | - |
| Thu nhập khác | - |
| Chi phí từ hoạt động khác | - |
| | |
| Các bên liên quan đến cổ đông lớn | |
| Thu nhập lãi cho vay | - |
| Chi phí trả lãi tiền gửi | - |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | - |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | - |
| Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | |
| | |
| <i>Bên liên quan</i> | |
| Công ty con | |
| Tiền gửi | 243,162 |
| Cho vay | 4,155,000 |
| Nhận tiền gửi | (2,992,667) |
| Phải thu khác | 99,723 |
| Phải trả khác | (24,028) |
| | |

Các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng

| | |
|--------------------|-----------|
| Cho vay | 2,364 |
| Nhận tiền gửi | (257,385) |
| Chứng chỉ tiền gửi | (300) |
| Phải thu | - |
| Phải trả | (3,477) |

Các bên liên quan đến các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng

| | |
|--------------------|-----------|
| Cho vay | 3,887,990 |
| Nhận tiền gửi | (267,951) |
| Chứng chỉ tiền gửi | (16,230) |
| Phải thu | 2 |
| Phải trả | (4,646) |

Cổ đông lớn

| | |
|---------------|--|
| Cho vay | |
| Nhận tiền gửi | |
| Phải thu | |
| Phải trả | |

Các bên liên quan đến cổ đông lớn

| | |
|---------------|---|
| Cho vay | |
| Nhận tiền gửi | - |

PHỤ LỤC 02

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của Sacombank

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|--|---------------------|--|------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN | | | | | | | | | | |
| 1 | Ông DƯƠNG CÔNG MINH | | Chủ tịch HĐQT | | | | | 62.569.075 | 3,32% | |
| | ĐẶNG THỊ DOAN | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ THỊ VĂN THẢO | | Vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | DƯƠNG PHƯƠNG MAI | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | DƯƠNG MINH HOÀNG | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | DƯƠNG MINH TRÍ | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | DƯƠNG THỊ LIÊM | | Em | | | | | 11.858.742 | 0,62% | |
| | CAO XUÂN MINH | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ VĂN HẢI | | Em vợ | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---|--|--|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | JANE TENNANT | | Em dâu (vợ) | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ QUANG HUY | | Em vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | Phan Thị Ngọc Dung | | Em dâu (vợ) | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty TNHH Dịch vụ Lao động và Đào tạo nghề Khai Minh | | Vợ và em gái góp vốn | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty Cổ phần Him Lam | | Em gái là TV.HDQT | | | | | - | 0,00% | |
| 2 | Bà NGUYỄN ĐỨC THẠCH DIỄM | | Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm TGD | | | | | 76.320 | 0,004% | |
| | NGUYỄN ĐỨC THẠCH | | Cha | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ THỊ YẾN CHI | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN ĐỨC NGỌC | | Anh | | | | | 4 | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN | | Chị Dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN ĐỨC BÌNH AN | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THÁI PHÚC | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---|--|--|----------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------------|--|------------|
| | Công ty CP Nghi Lực sống – Doanh nghiệp Xã Hội | | Bà Nguyễn Đức Thạch Điểm góp vốn | | | | | - | 0,00% | |
| 3 | Ông PHẠM VĂN PHONG | | Phó Chủ tịch HDQT | | | | | 19.680 | 0,001% | |
| | PHẠM THỊ CÀNH | | Mẹ đẻ | | | | | - | 0,00% | |
| | HUYỀN THỊ KIM PHƯƠNG | | Vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM QUANG VŨ | | Con | | | | | 1.500 | 0,00% | |
| | PHẠM QUANG THANH | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM THỊ NỘI | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | HOÀNG KHẮC HÂN | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM VĂN DUNG | | Anh | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ NGUYỆT | | Chị dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM VĂN PHÚ | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | BUI THỊ HOA | | Em dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM THỊ QUY | | Em | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|--------------------|--|------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | NGUYỄN VĂN THẠCH | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM THỊ LUẬT | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ VŨ CÔNG | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM THỊ LỆ | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM THỊ LỘC | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | TRẦN SINH BÀI | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | HUYỀN VĂN YẾN | | Bà vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM THỊ ĐÔNG | | Mẹ vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | HUYỀN THỊ KIM THÚY | | Em vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | VŨ VĂN CHÍNH | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | HUYỀN VĂN SƠN | | Em vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | HUYỀN VĂN HUY | | Em vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ THỊ HOÀI LINH | | Em dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | HUYỀN VĂN HOÀNG | | Em vợ | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|--|-------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | ĐINH THỊ KIM HOA | | Em dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | VŨ XUÂN ỨT | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | HUYỀN THỊ KIM HỒNG | | Em vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty TNHH Thủy điện Mê Kông II | | Con góp vốn | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty Cổ phần Điện Tam Long | | Ông Phạm Văn Phong là TV.HDQT | | | | | - | 0,00% | |
| 4 | Ông NGUYỄN XUÂN VŨ | | TV.HDQT | | | | | 833 | 0,00% | |
| | NGUYỄN TÂM DŨNG | | Cha | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THẾ DỤC | | Ba vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | TRƯƠNG THỊ SAO | | Mẹ vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN TRƯƠNG HUỖN | | Vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN XUÂN ANH | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN XUÂN NAM | | Con | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-------------------|--|-----------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | NGUYỄN THẾ PHÙNG | | Em vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty CP Vgroup | | Ông Nguyễn Xuân Vũ là Phó CT.HDQT | | | | | - | 0,00% | |
| 5 | Ông PHAN ĐÌNH TUỆ | | TV.HDQT | | | | | 142.895 | 0,007% | |
| | NGUYỄN THỊ XUÂN | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | PHAN ANH QUANG | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | PHAN MINH TRÍ | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | PHAN THỊ HẰNG | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | NGÔ ĐỨC NGỌC | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | PHAN THỊ NGÂN | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN XUÂN SƠN | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | PHAN THỊ NGA | | Em | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tai khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|--|--|----------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | NGUYỄN XUÂN CHÍ | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng | | Ông Phan Đình Tuệ là Phó CT.HDQT | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty Cổ phần Hàng Không Tre Việt | | Ông Phan Đình Tuệ là CT.HDQT | | | | | - | 0,00% | |
| 6 | Ông VƯƠNG CÔNG ĐỨC | | TV.HDQT độc lập | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG HIẾN KHÀNH | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG THIÊN ĐẠO | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG THỊ MỸ | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | HUỲNH VĂN LŨY | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG THỊ NGỌC | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | HÀ VĂN NHƠN | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG THỊ MẾT | | Chị | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---|--|-------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | THI VĂN NGON | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG THỊ LANG | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG VĂN NAM | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG THỊ HỒNG | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | HUYỀN CÔNG AN | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG THỊ THU | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN TẤN THÀNH | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG THỊ THU THẢO | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐỖ TIẾN HÙNG | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | VƯƠNG THẢO OANH | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐẶNG XUÂN TÀI | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty CP Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh BR-VT | | Ông Vương Công Đức là CT.HDQT | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty Liên Doanh Vũng Tàu Paradise | | Ông Vương Công Đức là | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|--|----------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 7 | Bà PHẠM THỊ THU HẰNG | | TV.HDQT | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM VĂN MIỀN | | Cha | | | | | - | 0,00% | |
| | DƯƠNG NGỌC HẢI | | Chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | DƯƠNG VIỆT KHÁNH | | Con trai | | | | | - | 0,00% | |
| | DƯƠNG HUƠNG QUỲNH | | Con gái | | | | | - | 0,00% | |
| | DƯƠNG THÀNH BẮC | | Anh chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty TNHH Xã Hội Anh Dương | | Bà Phạm Thị Thu Hằng là TV.HDQT/ | | | | | - | 0,00% | |
| 1 | Ông TRẦN MINH TRIẾT | | Trưởng BKS | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM THỊ MỸ | | Mẹ ruột | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN NGỌC XUÂN | | Bố vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ THỊ LAN CHI | | Mẹ vợ | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|--------------------|--|------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ | | Vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | TRẦN HÀ LÂM | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | TRẦN HÀ TRIẾT ANH | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | TRẦN MINH DUY | | Em ruột | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN QUỲNH LÊ | | Chị vợ | | | | | 4.000 | 0,00% | |
| | DIỆP THẾ SƠN | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN NGỌC THỊNH | | Em vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | HUỶNH THỊ KIỀU NHI | | Em dâu (vợ) | | | | | - | 0,00% | |
| 2 | Bà HÀ QUỲNH ANH | | TV.BKS | | | | | 5.828 | 0,0003% | |
| | HÀ MINH TIẾN | | Cha | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM THỊ VÂN | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | LƯU VĂN ƯỚC | | Chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | LƯU TUẤN THÀNH | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | HÀ QUỲNH HOA | | Em | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|------------------|--|------------------------------------|----------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------------|--|------------|
| | HÀ HOÀI PHƯƠNG | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | HÀ HỒNG HẢI | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | HÀ HẢI YẾN | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN VIỆT HÙNG | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | BÙI THÀNH TRUNG | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN ANH TÙNG | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM GIANG TRUNG | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | LƯU THỊ THE | | Chị chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | LƯU THỊ LỰA | | Chị chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | LƯU VĂN HẢO | | Anh chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐỖ THỊ SƠI | | Chị Dâu (chồng) | | | | | - | 0,00% | |
| | LƯU THỊ TƠ | | Chị chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | PHẠM VĂN BÀN | | Anh rể (chồng) | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|----------------------|--|------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | LƯU THỊ LÀI | | Chị chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | TRẦN TUẤN CƯỜNG | | Anh rể (chồng) | | | | | - | 0,00% | |
| | LƯU THỊ HƯƠNG | | Chị chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | TRẦN VĂN HUYNH | | Anh rể (chồng) | | | | | - | 0,00% | |
| | LƯU THỊ HUỆ | | Chị chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN VĂN THÙY | | Anh rể (chồng) | | | | | - | 0,00% | |
| | LƯU VĂN HIỆP | | Em chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | BÙI THỊ HUỲNH | | Em dâu (chồng) | | | | | - | 0,00% | |
| | LƯU VĂN HIỆT | | Em chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | BÙI VĂN KHÁNH | | Em dâu (chồng) | | | | | - | 0,00% | |
| 3 | Ông NGUYỄN VĂN THÀNH | | TV.BKS | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ MƯỢI | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | THÁI THỊ THANH NGA | | Vợ | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ số hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|------------------------|--|------------------------------------|----------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------------|--|------------|
| | NGUYỄN THÀI THANH MY | | Con | | | | | 3.000 | 0,0001% | |
| | NGUYỄN THÀI THANH AN | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN VĂN LONG | | Anh | | | | | - | 0,00% | |
| | PHAN THỊ LÀNH | | Chị dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | TRẦN THỊ HỒNG THU | | Chị dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN VĂN VŨ | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | THÀI THỊ NGỌC DIỆP | | Em dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ THUY TRÂM | | Em | | | | | 1 | 0,00% | |
| | PHẠM VĂN VINH | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | TRẦN THỊ DUNG | | Chị dâu (vợ) | | | | | - | 0,00% | |
| | THÀI NGỌC TIẾN | | Anh vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | PHAN THỊ THANH TRIỀU | | Chị dâu (vợ) | | | | | - | 0,00% | |
| | THÀI THỊ KIM HOA | | Chị vợ | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|----------------------|--|------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | THÁI THỊ THANH HUONG | | Em vợ | | | | | - | 0,00% | |
| 4 | Ông LÂM VĂN KIẾT | | TV.BKS | | | | | 66 | 0,00% | |
| | LÂM VĂN HẢO | | Cha | | | | | - | 0,00% | |
| | HUỲNH THỊ NGỌC | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐINH CẨM PHÁT | | Vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | LÂM TÂM NHƯ | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | LÂM ANH THU | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | LÂM VĂN HIỀN | | Anh ruột | | | | | - | 0,00% | |
| | LÂM VĂN TRÍ | | Em ruột | | | | | - | 0,00% | |
| | LÂM VĂN NHON | | Em ruột | | | | | - | 0,00% | |
| | VÕ THỊ BÔNG | | Chị dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | HỒ NGỌC HUỆ | | Em dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | TRẦN THỊ THU THỦY | | Em dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐINH QUANG THÀNH | | Anh vợ | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ số hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--|------------------------------------|----------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------------|--|------------|
| | NGUYỄN THỊ HOÀNG MINH | | Chị dâu (vợ) | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐINH QUANG LỢI | | Anh vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ THỊ XUÂN LOAN | | Chị dâu (vợ) | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐINH CẨM LỘC | | Chị vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐẶNG ĐÌNH SƠN | | Anh rể (vợ) | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐINH QUANG HỮU | | Anh vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ ĐẸP | | Chị dâu (vợ) | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐINH QUANG ĐỨC | | Anh vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐINH QUANG MINH | | Anh vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ THANH KIỀU | | Chị dâu (vợ) | | | | | - | 0,00% | |
| 1 | Ông NGUYỄN MINH TÂM | | Phó TGD | | | | | 14.739 | 0,001% | |
| | PHẠM THỊ ĐẬU | | Mè | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ XUÂN TÌNH | | Bố vợ | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|--------------------------|--|------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | NGUYỄN THỊ HOA | | Mẹ vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ THỊ XUÂN NGA | | Vợ | | | | | 45 | 0,00% | |
| | NGUYỄN XUÂN NGHI | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN MINH NGHI | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN MINH CẢNH | | Anh | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ THỊ HỮU HẠNH | | Chị dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THANH XUÂN | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | TRƯƠNG MINH DŨNG | | Anh rể | | | | | 4.291 | 0,0002% | |
| 2 | Bà QUÁCH THANH NGỌC THỦY | | Phó TGD | | | | | 101 | 0,00% | |
| | HUỲNH THỊ MỸ HẠNH | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | TÔ THANH HOÀNG | | Chồng | | | | | 8 | 0,00% | |
| | TÔ THUẤN KHÂM | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | TÔ QUỲNH ĐAN | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | QUÁCH NGỌC TRÂM | | Chị | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ số hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--|------------------------------------|----------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------------|--|------------|
| | ĐỒNG THÀNH NHÂN | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | QUÁCH THANH BẢO TRẦN | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| 3 | Ông ĐÀO NGUYỄN VŨ | | Phó TGD | | | | | 52.331 | 0,003% | |
| | NGUYỄN THỊ LỰ | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THANH HÀNG | | Vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐÀO NGUYỄN ĐĂNG DUY | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐÀO NGUYỄN ANH THƯ | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐÀO CHÍ THANH | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐÀO NGUYỄN LỘC | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐÀO NGUYỄN THỦY | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ HOÀI YẾN | | Em dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | HOÀNG THỊ THANH HOÀNG | | Em dâu | | | | | - | 0,00% | |
| 4 | Ông NGUYỄN BÀ TRỊ | | Phó TGD | | | | | 7 | 0,00% | |
| | NGUYỄN VĂN PHÉP | | Bố vợ | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|------------------------|--|------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | NGUYỄN THỊ HỒNG | | Mẹ Vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ CẨM GIANG | | Vợ | | | | | 6 | 0,00% | |
| | NGUYỄN BÁ KHÁNH QUỲNH | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN BÁ THẮNG | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN BÁ SƠN | | Anh | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN BÁ HÀ | | Anh | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN BÁ NGUYỄN | | Anh | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN BÁ TRÌ | | Anh | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN BÁ PHƯỚC | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN BÁ LỘC | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| 5 | Ông HÀ VĂN TRUNG | | Phó TGĐ | | | | | 10.000 | 0,014% | |
| | DƯƠNG THỊ HUYỀN | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ THANH THÚY | | Vợ | | | | | 7 | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|--------------------|--|------------------------------------|----------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------------|--|------------|
| | HÀ MINH VIỆT | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | HÀ MINH NAM | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | HÀ MINH NHẬT | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | HÀ VĂN TUẤN | | Anh | | | | | - | 0,00% | |
| | TÔ THỊ NHỎ | | Chị dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | HÀ THỊ ANH TUYẾT | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | TRƯƠNG QUANG DŨNG | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| 6 | Ông HỒ DOãn CƯỜNG | | Phó TGD | | | | | 7.126 | 0,00% | |
| | HỒ DOãn QUỐC | | Em | | | | | 3 | 0,00% | |
| | HỒ DOãn THỰC QUYÊN | | Em | | | | | 5.550 | 0,0003% | |
| | HỒ DOãn THỦY NHI | | Em | | | | | 4 | 0,00% | |
| | HỒ DOãn QUÂN VƯƠNG | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ UYÊN | | Vợ | | | | | 4 | 0,00% | |
| | HỒ NGÂN HÀ | | Con | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--|------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | HỒ VĨNH HOÀNG | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | HỒ VĂN BA | | Ba | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ CHANH | | Mẹ vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN HỒNG PHƯỚC | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | ĐINH NGỌC HUY | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN BIÊN HOÀI LINH | | Em Dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ THÙY TRANG | | Em Dâu | | | | | - | 0,00% | |
| 7 | Ông HOÀNG THANH HẢI | | Phó TGĐ | | | | | 76.315 | 0,004% | |
| | VŨ THỊ ĐẠT | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ YẾN | | Vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | HOÀNG TRÂM MY | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | HOÀNG HẢI LONG | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN PHÚC TRƯỜNG | | Con rể | | | | | - | 0,00% | |
| | HOÀNG QUỐC THÀNH | | Anh | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ số hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-------------------|--|------------------------------------|----------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------------|--|------------|
| | LÊ THỊ HẢI VÂN | | Chị dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN ĐỨC THU | | Bố vợ | | | | | - | 0,00% | |
| 8 | Ông LÊ ĐỨC THỊNH | | Phó TGD | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ THANH | | Mẹ | | | | | - | 0,00% | |
| | LIÊU THỊ HẢI CHÂU | | Vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ CHÂU DAN QUỲNH | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ TẤN HƯNG | | Anh | | | | | - | 0,00% | |
| | TRẦN THỊ PHƯƠNG | | Chị dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ THANH TRƯỜNG | | Anh | | | | | - | 0,00% | |
| | TÀNG THỤY LINH | | Chị dâu | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ THỊ HUỖN DIỆU | | Chị | | | | | - | 0,00% | |
| | HUỖNH THANH TÙNG | | Anh rể | | | | | - | 0,00% | |
| | LÊ ĐỨC THÔNG | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | LÝ THỊ PHƯƠNG PHI | | Em dâu | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|------------------------|--|------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | LÊ THỊ HUYỀN CHI | | Em | | | | | 55 | 0,00% | |
| | LÊ THỊ HUYỀN THY | | Em | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN VĂN ÚT | | Em rể | | | | | - | 0,00% | |
| | PHAN THỊ HOÀN | | Mẹ vợ | | | | | - | 0,00% | |
| 9 | Bà NGUYỄN THỊ KIM OANH | | Phó TGĐ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN HOÀNG CHÂU | | Bố đẻ | | | | | - | 0,00% | |
| | VÕ NGỌC ANH | | Mẹ đẻ | | | | | - | 0,00% | |
| | NGÔ VĂN QUAN | | Bố chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | BÙI KIM VÂN | | Mẹ Chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | NGÔ TẤN CẢNH | | Chồng | | | | | - | 0,00% | |
| | NGÔ NGUYỄN Ý NHƯ | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | NGÔ TẤN MẠNH | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN HOÀNG DŨNG | | Em ruột | | | | | - | 0,00% | |
| | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | | Em dâu | | | | | - | 0,00% | |

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---|--|----------------------------------|-------------------|----------|---------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| | | | phụ trách quản trị công ty | | | | | | | |
| | Trần Thùy Linh | | Vợ | | | | | - | 0,00% | |
| | Dương Hoàng Duy | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | Dương Thanh Hằng | | Con | | | | | - | 0,00% | |
| | Nguyễn Thị Tuyết Nga | | Mẹ vợ | | | | | 3 | 0,00% | |
| | Bùi Bảo Xuyên | | Em ruột | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty CP Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | | Ông Dương Thanh Tuấn là TV. HĐQT | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty CP Du lịch Quốc tế Vũng Tàu | | Ông Dương Thanh Tuấn là TV. HĐQT | | | | | - | 0,00% | |
| | Công ty CP Liên Doanh Vũng Tàu Paradise | | Ông Dương Thanh Tuấn là TV. HĐQT | | | | | - | 0,00% | |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: